

Số: 84/2023/HS-ST

Ngày 07/9/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Ngọc Đăng

Bà Phan Thị Thuận Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Văn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2023/TLST-HS ngày 01/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 39/2023/QĐXXST-HS ngày 26/4/2023 đối với các bị cáo:

1. TRẦN T, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2001 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Chỗ ở: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần D (sinh năm 1969) và bà Võ L (sinh năm 1969).

Tiền án, tiền sự: Chưa;

Nhân thân: Bản án số 118/2018/HSST ngày 30/11/2018, bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/8/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. VÕ Đ, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2001 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi ĐKNKTT: Thôn X, xã Q, huyện T, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở trọ: Tổ S, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Sinh viên; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ V (sinh năm 1969) và bà Trần H (sinh năm 1973);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2023, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

3. DUƠNG H, sinh ngày 04 tháng 12 năm 2001 tại tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: Thôn T, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở trọ: Số Z, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương A (sinh năm 1974) và bà Phạm T (sinh năm 1978).

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 01/7/2020, bị Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản;

Nhân thân:

- Bản án số 103/2018/HSST ngày 28/11/2018, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” (Khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi).

- Bản án số 19/2019/HSST ngày 05/4/2019, bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 103/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân quận H, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 21 tháng tù. Bị cáo ra trại ngày 28/6/2020. (Khi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2022, hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người đại diện hợp pháp của bị cáo* **TRẦN T**: Anh **Trần Th**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (là anh ruột). Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo* **TRẦN T**: Luật sư **Trần Đ** - Công ty Luật Z, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt kèm theo luận cứ bào chữa.

* *Người bào chữa cho bị cáo* **Võ Đ**: Luật sư **Nguyễn T** - Công ty Luật TNHH G - chi nhánh Đà Nẵng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

* *Bị hại*:

1. **Công ty TNHH V**. Địa chỉ: Số A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.
2. **Công ty Cổ phần C**. Địa chỉ: Số B, phường X, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.
3. **Công ty TNHH N**. Địa chỉ: Số V, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.
4. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ X, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà **Nguyễn H**, sinh năm 1968. Trú tại: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

2/ Bà **Phạm M**, sinh năm 1985. Trú tại: phường A, quận C, thành phố Đà Nẵng.

3/ Bà **Lê S**, sinh năm 1964. Trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

4/ Ông **Đinh T**, sinh năm 1959. Trú tại: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

5/ Ông **Đinh P**, sinh năm 1982. Trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng;

6/ Ông **Nguyễn Q**, sinh năm 1982. Trú tại: phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

7/ Ông **Phạm T**, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

8/ Bà **Lê D**, sinh năm 2002. Trú tại: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

9/ Ông **Dương S**, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

10/ Ông **Trương L**, sinh năm 1990. Trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

11/ Ông **Trần C**, sinh năm 1993. Trú tại: Tổ H, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

12/ Ông **Cao M**, sinh năm 1985; Trú tại: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

13/ Ông **Bùi T1**, sinh năm 1997. Trú tại: phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

14/ Ông **Lê Tr**, sinh năm 1975. Trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

15/ Ông **Lê B**, sinh năm 1991. Trú tại: Khối 2A, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

16/ Ông **Nguyễn T2**, sinh năm 1983. Trú tại: phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Bà Nguyễn H và bà Lê S có mặt. Tất cả người liên quan còn lại đều vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1/ Ông **Trần T**, sinh năm 1973. Vắng mặt.

2/ Ông **Đặng L**, sinh năm 1985. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TRẦN T làm nghề công nhân thi công cáp quang và qua những lần đến lấy vật tư tại các công ty, T để ý thấy những địa điểm trên có nhiều cáp quang giá trị nhưng không có người trông coi, bảo vệ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến giữa tháng 11/2022, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, T cùng Dương H, Võ Đ đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

1. Trộm cắp tại kho vật tư số A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng:

- Lần thứ 01: Vào khoảng giữa tháng 5/2021, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, BKS: XXX và lấy 01 cây sắt dài khoảng 01 mét, để làm dụng cụ phá ổ khóa cổng và ổ khóa nhà kho vào bên trong kho lấy trộm một số “củ néo” (01 bộ néo gồm 02 củ néo và 02 dây néo) bằng kim loại (không rõ số lượng) bỏ vào 03 bao có sẵn trong kho mang ra xe vận chuyển, đem bán cho tiệm thu mua phế liệu của chị Phạm M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, với trọng lượng 120kg được 600.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 02: Cách lần thứ 01 khoảng 04 ngày, T vào bên trong nhà kho lấy trộm tài sản gồm: 02 dây đai dạng cuộn bằng sắt và nhiều “cây néo”, “củ néo” (rồi đem bỏ vào 04 bao đã chuẩn bị từ trước. Sau đó, T mang tài sản trộm cắp được để lên xe và đem đi bán cho tiệm thu mua phế liệu số X, quận C, thành phố Đà Nẵng của chị Nguyễn H với giá là 1.130.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 03: T chụp hình các vật tư trong kho để đăng lên mạng xã hội Facebook, một người tên Hải ở tỉnh Hưng Yên (không rõ lai lịch), liên hệ T đặt mua 120 “cây néo”, 120 “củ néo” và 40 “củ treo”. Vào sáng ngày 25/5/2021, T vào kho lấy trộm 80 “cây néo”, 80 “củ néo” và 20 “củ treo”. Sau đó, T gọi điện thoại thuê ông Đinh T chở hàng về phòng trọ và trả tiền vận chuyển cho ông Đinh T là 200.000 đồng.

- Lần thứ 04: Sáng ngày 26/5/2021, T tiếp tục đến kho vật tư, đi vào kho lấy trộm 40 “cây néo”, 40 “củ néo” và 20 “củ treo”. Sau đó, T gọi điện thoại thuê ông Đinh T chở hàng về địa chỉ Z Tô Hiệu, thành phố Đà Nẵng và trả tiền vận chuyển là 200.000 đồng.

Sau khi trộm cắp đủ số hàng H đặt mua, do T bận đi làm nên nhờ bạn gái là Lê D ở phòng trọ cùng với T gói những tài sản trộm cắp được thành kiện hàng để gửi đi cho H, đến ngày 27/5/2021, T liên hệ nhà xe (không rõ) và nhờ D đi cùng ông T chở hàng đến đường Nguyễn Khuyến, thuộc quận Liên Chiểu, Đà Nẵng, để gửi cho xe vận chuyển đi Hưng Yên. Tài sản trộm cắp lần này, T bán cho H được số tiền 4.700.000 đồng và đã tiêu xài hết.

- Lần thứ 05: Vào sáng ngày 01/6/2021, T đến trước cổng kho vật tư vào bên trong nhà kho lấy trộm 80 “củ treo”, 80 “dây treo” và 120 “củ néo”, bỏ vào 03 bao đã chuẩn bị từ trước. Lấy tài sản xong, T gọi cho ông Đinh T đến thuê chở hàng giúp T về phòng trọ và trả tiền vận chuyển cho ông T là 200.000 đồng. Chiều cùng ngày, T lấy ra 60 “củ treo”, 60 “dây treo” và 100 “củ néo” đóng thành kiện hàng và rồi gọi thuê ông Đinh T chở hàng đến đường Trường Sơn thuộc quận C, thành phố Đà Nẵng, giao xe vận chuyển để gửi cho người đàn ông ở Mỹ Đình, thành phố Hà Nội. T trả tiền vận chuyển cho ông T 200.000 đồng; còn lại 20 “củ treo”, 20 “dây treo” và 20 “củ néo” thì T đem ra bán cho tiệm thu mua phế liệu của chị Lê S tại với giá 300.000 đồng. Số tài sản trộm cắp được, T bán được tổng số tiền 3.700.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 06: Khoảng 14 giờ ngày 13/6/2021, T đến kho vật tư lấy trộm 40 “bộ treo” (01 bộ treo gồm 01 củ treo và 03 dây treo) bỏ vào bao. Lấy tài sản xong, T gọi thuê ông T đến chở hàng về phòng trọ và trả tiền vận chuyển cho ông T 200.000 đồng. Đến chiều ngày 17/6/2021, T gói tài sản trộm cắp được thành kiện hàng và thuê ông Đinh T chở đến bến xe trung tâm Đà Nẵng gửi cho xe hàng để bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) ở thành phố Hà Nội 1.300.000 đồng, T trả cho ông T số tiền 150.000 đồng. Số tài sản bán được T đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 07: Khoảng trong tháng 6/2021, T đến kho vật tư vào nơi để những cuộn dây cáp loại 24 sợi, T lấy 01 cuộn dây cáp còn nguyên dài 3000 mét và 01 cuộn dây cáp dài 2100 mét thì T dùng kiềm bấm bỏ bớt 500 mét, để đúng số lượng theo yêu cầu của người đặt hàng. Tiếp đó, T gọi điện thoại thuê ông Đinh T nhưng không được, T lên mạng tìm thuê được 01 tài xế xe tải (không rõ lai lịch) và nhờ thuê thêm 03 người đến khiêng 02 cuộn dây cáp quang, với tổng chiều dài là 4.600 mét để lên xe, trả tiền công là 700.000 đồng. Sau đó, T cùng tài xế xe tải chở 02 cuộn dây cáp ra khu vực sau bến xe trung tâm Đà Nẵng gửi xe hàng ra bán cho một người tên Thông ở Hà Nội (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) được số tiền 14.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

- Lần thứ 08: Khoảng ngày cuối tháng 6/2021, T đi vào sân nơi để các cuộn dây cáp loại 24 sợi, T chọn 01 cuộn dây cáp còn nguyên dài 3000 mét và 01 cuộn dây cáp dài khoảng 2.338 mét. T lên mạng tìm thuê 01 tài xế xe tải (không rõ lai lịch) và nhờ thuê thêm 04 người khác đến chở 02 cuộn dây cáp trên, trả tiền công là 800.000 đồng. Sau đó, T đi cùng tài xế xe tải chở 02 cuộn dây cáp đến đường Trường Sơn gửi xe hàng ra Hà Nội bán cho một người đàn ông (không rõ lai lịch, địa chỉ) đã đặt mua qua mạng Facebook với T trước đó, được số tiền 20.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

* Tại Kết luận định giá tài sản số: 49/KL-ĐGTS ngày 22/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận C, thành phố Đà Nẵng kết luận tài sản 08 vụ trộm cắp tài sản do Trần T thực hiện:

- 4.600 mét cáp quang treo, loại ADSS KV200m, loại 24 sợi, có giá trị 71.493.200 đồng.
- 184 bộ néo 2 hướng cho cáp ADSS KV200m; bằng thép, có giá trị 28.097.720 đồng.
- 664 dây đai inox, kích thước 0,7x20mm, có giá trị 2.383.760 đồng.
- 143 bộ treo cáp ADSS KV200m, có giá trị 13.013.000 đồng.
- 5.338 mét cáp quang chôn, loại 24 sợi, có giá trị 81.778.160 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 196.765.840 đồng (Một trăm chín mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

2. Trộm cắp tài sản tại kho vật tư tại Công ty C, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng:

- Lần thứ 01: Tối ngày 27/9/2021, T biết tại bãi vật tư của Công ty C trên đường X, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng có một số cuộn dây cáp quang nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm để bán lấy tiền tiêu xài. T đến trước Công ty C chỗ để các cuộn dây cáp và chọn 02 cuộn cáp quang (*loại F8-12 sợi, mỗi cuộn dài 3000 mét*), rồi đẩy từng cuộn dây cáp từ bãi vật tư ra đường Lê Hồng Sơn để tại vỉa hè đường ven sông rồi T quay lại về phòng trọ. Sáng ngày 28/9/2021, T lấy hình ảnh 02 cuộn dây cáp đăng lên trang Facebook và 01 người (*không rõ lai lịch*) mua với giá là 16.000.000 đồng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T gọi cho ông T và nhờ thuê thêm 02 người để vận chuyển dây cáp, sau đó ông T lái xe đi cùng Nguyễn Q và Phạm T1 đi đến con đường ven sông thuộc phường Hòa Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông T thấy 02 cuộn dây cáp nhưng không có người giao hàng nên gọi cho T, T nhờ Dương H đi đến gặp ông T. Tiếp đó, cả 04 người khiêng 02 cuộn dây cáp đẩy lên xe, ông T cùng Q và T1 chở cáp lên giao cho xe hàng trên đường Trường Sơn thuộc quận C, thành phố Đà Nẵng, T trả tiền vận chuyển cho ông T là 450.000 đồng, Q và T1 mỗi người 130.000 đồng. Còn H sau khi về được T trả cho 300.000 đồng giúp T khiêng cáp. Lần này, T bán 02 cuộn dây cáp được tổng cộng số tiền là 16.000.000 đồng, đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 61/KL-ĐGTS ngày 16/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận C, thành phố Đà Nẵng kết luận: 6.000 mét cáp quang loại F8-12F0, loại 12 sợi, kích thước 1300x730x1300, có giá trị 54.570.000 đồng (Năm mươi bốn triệu, năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Lần thứ 02: Khoảng 01 giờ ngày 11/4/2022, Trần T liên lạc rủ Dương H đi trộm cắp dây cáp quang để bán kiếm tiền xài, Hà đồng ý và nói T đi qua phòng trọ của H cùng đi. T đi xe mô tô hiệu Sirius, mang BKS: XXX phòng trọ gặp H. Sau đó, T điều khiển xe mô tô Exciter màu đỏ - trắng, BKS: ZZZ (*của Dương S - anh trai của Hà đứng tên làm chủ*) chở Hà đi đến bãi vật tư của Công ty C để trộm cắp 1650 mét dây cáp quang. T cùng với H dùng sức đẩy lăn cuộn dây cáp quang ra đường Trung

Lương 10 hướng ra đường Lê Hồng Sơn, rồi đẩy ra cát giấu tại vỉa hè ngã tư Lê Hồng Sơn giao cho Nguyễn T, thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, T và H quay lại lấy chiếc xe đi về phòng trọ. T lên mạng Facebook tìm số điện thoại và liên hệ anh Trương L chở cuộn dây cáp quang, tiền công vận chuyển là 600.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, anh L điều khiển xe tải BKS: 43C-ZZZ chở theo Trần C đến địa điểm ngã tư Lê Hồng Sơn giao Nguyễn Đình Thi theo chỉ dẫn của T thì thấy có 01 cuộn dây cáp quang, anh L thấy cuộn dây cáp quang quá nặng nên gọi lại cho T để tìm người phụ khiêng lên xe nhưng T không nghe máy. Lúc này, T lo sợ hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện nên đã ngắt liên lạc với anh L và bỏ ý định tiêu thụ cuộn dây cáp quang đã trộm cắp. Sau đó, Công an phường Hòa Xuân tiến hành kiểm tra và tạm giữ cuộn dây nói trên.

Tại kết luận định giá tài sản số: 22/KL-ĐGTS ngày 22/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận C, thành phố Đà Nẵng kết luận: 1.650 mét cáp quang loại ADSS-12FO, có giá trị 15.006.750 đồng (Mười lăm triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

3. Trộm cắp tại công ty TNHH

- Lần thứ 01: Do trước đây T có làm công nhân kéo cáp quang nên biết bãi cáp quang ở phía sau bến xe Đức Long thuộc thôn Quá Giáng 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang có để nhiều cuộn cáp quang ở ngoài đường, dễ lấy trộm. Chiều ngày 11/5/2022, T chạy xe mô tô BKS: 73E1-XXX chở Võ Đ đến địa chỉ trên để quan sát trước. Khoảng 08 giờ ngày 12/5/2022, T chở Đ đi đến uống cà phê tại một quán trên Quốc lộ 1A (*đoạn gần bãi cáp quang*). T lên mạng tìm và liên hệ anh Cao M để chở. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, anh M tới gặp T thì T chạy xe mô tô dẫn đầu xe cầu vào bãi và nói anh M cầu 02 cuộn dây cáp quang loại 24F0. Sau khi cầu xong, T chở Đ dẫn xe cầu chạy về bỏ 02 cuộn cáp tại bãi đất trống trên đường Kinh Dương Vương, thành phố Đà Nẵng. T lên mạng tìm người mua và liên hệ cho một người (*không rõ lai lịch*) để đặt vấn đề mua bán cáp quang. Sau đó, người mua cáp đưa cho T số điện thoại của một người tên Bùi T2 là nhân viên Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải X để T liên hệ vận chuyển cáp vào thành phố Hồ Chí Minh. T gọi điện cho anh T2 thì anh T2 nói T chở 02 cuộn cáp đến kho hàng của công ty X để Công X vận chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh. T liên hệ Lê Tr - tài xế xe cầu tải BKS: 43C-XXX của Công ty T. Anh Tr lái xe cầu đến đường Kinh Dương Vương cầu 02 cuộn cáp quang và được T, Đ dẫn chở đến kho hàng của công ty X. Tại đây, T đưa 02 cuộn dây cáp vào cân rồi bỏ xuống trước kho. T nói với anh Lê B nhân viên Công ty X về việc mình đã trao đổi với anh T2 nên nhân viên đã nhận vận chuyển cáp. Anh Tr đưa số tài khoản ngân hàng và Đ đã thanh toán tiền thuê xe cầu là 800.000 đồng. Sau đó T và Đ về trọ, T liên lạc nói người mua chuyển tiền cho T thì người này đã kiểm tra hàng và trả giá 13.000.000 đồng. T đồng ý bán. Người mua nói T đưa số tài khoản ngân hàng để chuyển tiền. Do không có tài khoản ngân hàng nên T bắt xe grap đi tìm

tạp hóa có dịch vụ nhận, chuyển tiền để nhờ họ nhận tiền giúp. T đến một tiệm tạp hóa (*không rõ địa chỉ*) lấy số tài khoản gửi cho người mua cáp. Người này chuyển số tiền 13.000.000 đồng đến tài khoản của chủ tiệm tạp hóa. T nói chủ tiệm tạp hóa chuyển đến số tài khoản của Đ số tiền 3.800.000 đồng (trong đó 1.600.000 đồng trả tiền thuê xe và 2.200.000 đồng trả nợ cho Đ do T mượn trước đó) và trừ 50.000 đồng tiền phí, số tiền T nhận được là 9.150.000 đồng. T đã tiêu xài hết. Tài sản đã được thu hồi.

Tại Kết luận giám định giá tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 27/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng kết luận: 02 cuộn cáp quang treo 24FO khoản vượt 200 (*mỗi cuộn 3000 mét*) có giá trị tại thời điểm trộm cắp là ($3000m/cuộn \times 13.684đ/m \times 2 cuộn$): 82.104.000 đồng (Tám mươi hai triệu, một trăm lẻ bốn nghìn đồng).

- Lần thứ 02: Vào khoảng 09 giờ ngày 15/5/2022, T hay đi về nhà theo tuyến Quốc lộ 14G nên biết đoạn qua xã Hòa Phú có để nhiều cuộn cáp quang. T gọi điện thoại cho anh Lê Tr để thuê xe cầu. T nói anh Tr chạy xe cầu lên khu vực gần khu du lịch Núi Thần Tài (*xã Hòa Phú*) để chở cáp quang thì công còn dư về kho. T mượn xe mô tô hiệu Sirius BKS: 47M7-XXX của Lê D chạy đi xem trước địa điểm lấy trộm cáp. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, anh Tr chạy xe cầu tải BKS: 43C-XXX lên khu vực gần Núi Thần Tài. Tại đây, T dẫn anh Tr đến cầu 01 cuộn cáp quang loại 96FO (*số tài sản này của Công ty TNHH N*) để bên phải đường theo hướng Quảng Nam, gần khu du lịch Núi Thần Tài. Sau đó, T chạy xe mô tô dẫn anh Tr chạy theo hướng tuyến Quốc Lộ 14G hướng về Túy Loan. Đến đoạn đường qua thôn Hòa Phước, xã Hòa Phú, T nói anh Tr cầu tiếp 01 cuộn cáp quang loại 96FO của Công ty N bên đường Quốc Lộ 14G (*theo hướng Quảng Nam đi Đà Nẵng*). Cầu xong, T dẫn anh Tr chở 02 cuộn cáp quang về kho hàng của Công ty X. T đã liên hệ cho người mua cáp (*đã từng bán trước đó*) và nói có 02 cuộn cáp quang cần bán. Người mua đồng ý và trả giá 55.000.000 đồng thì T đồng ý bán. T liên hệ cho anh T2 - nhân viên Công ty X để cân hàng thì anh T2 nói để hàng đó cân sau. Người mua cáp nói T đưa số tài khoản để chuyển tiền. Do không có tài khoản ngân hàng nên T đi đến một tiệm tạp hóa (*không rõ tên, địa chỉ*) để lấy số tài khoản gửi cho người mua cáp chuyển tiền. Người mua cáp chuyển cho T số tiền 10.000.000 đồng. T nói chủ tiệm tạp hóa chuyển cho anh Tr 2.000.000 đồng tiền thuê xe cầu và trừ 50.000 đồng tiền phí dịch vụ, còn lại T nhận được số tiền là 7.950.000 đồng. Qua ngày 16/5/2022, người mua cáp tiếp tục nói T đưa số tài khoản để chuyển tiền còn lại. T đón xe grab đi đến một tiệm tạp hóa (*không rõ tên, địa chỉ*) để lấy số tài khoản đưa cho người mua cáp. Người này chuyển số tiền 40.000.000 đồng. T trả tiền phí dịch vụ 50.000 đồng, còn lại T nhận được số tiền 39.950.000 đồng. T đã tiêu xài hết, tài sản đã được thu hồi.

Tại Kết luận giám định tài sản số 36/KL-HĐĐG ngày 27/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng kết luận: 02 cuộn

cáo quang 96FO VINACAP-TELVINA (mỗi cuộn 3000 mét) có giá trị tại thời điểm trộm cắp là (3000m/cuộn x 27.830 đ/m x 2 cuộn): 166.980.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, khi đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi trú thì khoảng 12 giờ 30 phút ngày 10/11/2022, Dương H đến số nhà Tổ A, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng phát hiện có một chiếc ví da màu đen của anh Nguyễn Q để trên thùng xốp ngay cửa chính ra vào. Thấy cổng mở và bên trong không có người nên H lén lút trộm chiếc ví da bên trong có số tiền là 10.130.000 đồng; 01 thẻ căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 02 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm y tế đều mang tên Nguyễn Q; 01 giấy đăng ký lái xe, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn N, 04 tờ vé số kiến thiết, 01 thẻ nhựa màu trắng. H lấy bỏ vào túi áo rồi đi ra ngoài mở ví vớt giấy tờ cá nhân vào bãi rác gần đó rồi cầm ví và tiền về phòng trọ. Số tiền H trộm được đã tiêu xài cá nhân hết.

** Tang vật thu giữ:*

- Thu giữ của Trần T: 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150, màu cam đen, gắn BKS: 92E1-XXX; 01 điện thoại di động Iphone 6s plus màu xám; 01 điện thoại Samsung màu bạc, gắn sim: 0905.534.796;

- Thu giữ của Dương H: 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150 màu đỏ trắng, gắn BKS: 92T1-XXX; 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, bị vỡ mặt kính; 01 điện thoại Samsung màu bạc, gắn sim: 0905.534.796; 01 chiếc áo khoác dài tay màu đen, có mũ phía sau, trước áo có in chữ Adidas màu trắng; 01 chiếc ví da màu đen có dòng chữ TISDGNY, bên trong có: Giấy phép lái xe hạng B2, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ căn cước công, 01 chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Q, 01 giấy đăng ký xe mô tô, giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn N, 01 thẻ bảo hiểm y tế số: 0405002881 và 04 tờ vé số kiến thiết (bị ướt và rách), 01 thẻ nhựa trắng.

- Thu giữ của Võ Đ: 01 xe mô tô Honda Winner X, màu xanh bạc đen, BKS: 73E1-XXX; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 024984, mang tên Võ Đ.

- Thu giữ của anh Mai Đ (Phó giám đốc Công ty TNHH T): 01 cây sắt hình trụ tròn, dài 70 cm; 02 ổ khóa hiệu Việt Tiệp, kim loại màu đen; 01 khóa số kim loại màu trắng bạc đã bị gãy móc khóa.

- Thu giữ của Lê A: 01 cuộn cáp quang viễn thông ASSD-12Fo, dài 1650m.

- Thu giữ của anh Lê B (Quản lý kho hàng Công ty X): 02 cuộn cáp quang treo 24FO khoản vượt 200 (mỗi cuộn 3000 mét), và 02 cuộn cáp quang 96FO VINACAP-TELVINA (mỗi cuộn 300 mét).

* Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 1156/KLGĐ ngày 24/12/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận TRẦN T:

- Trước thời điểm xảy ra vụ án :

a/ Về y học: Động kinh cục bộ toàn thể hóa có biến đổi trí năng nhân cách do dị dạng mạch máu não (G40)

b/ Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Tại thời điểm xảy ra vụ án:

a/ Về y học: Động kinh cục bộ toàn thể hóa có biến đổi trí năng nhân cách do dị dạng mạch máu não (G40)

b/ Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

- Thời điểm hiện tại:

a/ Về y học: Động kinh cục bộ toàn thể hóa có biến đổi trí năng nhân cách do dị dạng mạch máu não (G40)

b/ Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSDN-P2 ngày 01/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Trần T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Dương H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Trần T, Võ Đ, Dương H đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần T, Võ Đ, Dương H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm q, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần T mức án từ 10 đến 11 năm tù.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Võ Đ mức án từ 02 đến 03 năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt: Bị cáo Dương H mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như đề cập tại bản Cáo trạng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Công ty TNHH V và Công ty Cổ phần C không yêu cầu bồi thường.

Công ty TNHH N do ông Võ T đã nhận lại tài sản. Tuy nhiên, ông Võ T- Giám đốc công ty có yêu cầu bồi thường thêm về chi phí thuê xe chở các cuộn cáp về lại công ty, thiệt hại về thời gian ngày công làm việc, chi phí đi lại,...nên yêu cầu bị cáo

Võ Đ bồi thường 2.000.000 đồng. Vào ngày 26/6/2023, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường xong 2.000.000 đồng cho Công ty TNHH N.

Bị hại Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo Dương H bồi thường số tiền 10.130.000 đồng, đề nghị HĐXX buộc bị cáo bồi thường cho 10.130.000 đồng cho bị hại Nguyễn Văn Q.

Các bị cáo Trần T, Võ Đ, Dương H đã thành khẩn, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo TRẦN T.

Luật sư Trần Đ bào chữa cho bị cáo Trần T có quan điểm như sau: Thống nhất về tội danh, điểm khoản và điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo nên không có tranh luận về phần tội danh. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự thú những lần phạm tội trước đó; bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng mức án nhẹ hơn mức án mà Viện kiểm sát đã đề nghị, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Luật sư Nguyễn T bào chữa cho bị cáo Võ Đ có quan điểm như sau: Thống nhất về tội danh, điểm khoản và điều luật mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo nên không có tranh luận về phần tội danh. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng khi quyết định hình phạt cho bị cáo Đức cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vai trò của bị cáo Đ trong vụ án là thứ yếu, bị cáo T là người tìm tài sản sơ hở, liên hệ với tài xế xe tải, người mua hàng, trao đổi về giá cả, nhận tiền, chuyển hàng; giữa 02 bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ chỉ ngồi ở ngoài uống nước, không nhận được lợi ích vật chất nào, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại 2.000.000 đồng chi phí thuê xe, đi lại. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Đ hưởng án treo, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của các bị cáo, luận cứ bào chữa của các Luật sư và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa, bà Võ L (đại diện hợp pháp của bị cáo Trần T) vắng mặt, anh Trần Th (là anh ruột của bị cáo T) thay bà L làm người đại diện; Luật sư Trần Đ (người bào chữa cho bị cáo Trần T) vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt kèm theo luận cứ bào chữa; bị cáo Trần T, anh Trần Th (người đại diện của bị cáo T) không có ý kiến gì và đồng ý xét xử vắng mặt Luật sư Đ. Các bị hại Công ty TNHH V, Công ty Cổ phần C, Công ty TNHH N, ông Nguyễn Văn Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 291, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát*, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về tố tụng. Sau khi kiểm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử kết luận các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo*: Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5/2021 đến giữa tháng 11/2022, trên địa bàn quận C và huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, TRẦN T cùng DƯƠNG H, VÕ Đ đã thực hiện 13 vụ trộm cắp tài sản tại kho vật tư của công ty TNHH V tại số A, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng; kho vật tư Công ty C, phường Hòa Xuân, quận C, thành phố Đà Nẵng; Công ty TNHH N và của anh Nguyễn Văn Q; tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 525.556.590 đồng (trong đó: T thực hiện 12 vụ, giá trị tài sản chiếm đoạt là 515.426.590 đồng; VÕ Đ thực hiện 01 vụ, giá trị tài sản chiếm đoạt là 82.104.000 đồng; DƯƠNG H thực hiện 02 vụ, giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.136.750 đồng).

Hành vi trên của bị cáo TRẦN T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo VÕ Đ tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo DƯƠNG H tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Xét tính chất của vụ án thì thấy*: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, liên tục trong một thời gian dài, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi trộm cắp các cuộn dây cáp điện, vật tư điện của các công ty đem bán lấy tiền tiêu xài; Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] *Xét hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo thì thấy:* Vụ án này có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ với nhau.

Bị cáo TRẦN T là người giữ vai trò chính, tích cực nhất so với các bị cáo còn lại, bị cáo tham gia 12 vụ trong đó có 10 vụ bị cáo tự thực hiện một mình; 01 vụ thực hiện cùng bị cáo DUỖNG H và 01 vụ thực hiện cùng bị cáo VÕ Đ. Trong tất cả các vụ thì bị cáo đều trực tiếp vào lấy tài sản, tìm nơi tiêu thụ và phân chia cho đồng phạm tham gia. Bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Năm 2018, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân. Trong thời gian bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo mới thể đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo VÕ Đ tham gia cùng bị cáo TRẦN T 01 lần chiếm đoạt tài sản giá trị 82.104.000 đồng, với vai trò giúp sức không đáng kể cho bị cáo T, nên mức án đối với bị cáo Đ thấp hơn bị cáo T.

Đối với DUỖNG H tham gia với bị cáo TRẦN T 01 vụ và bản thân bị cáo H tự thực hiện 01 vụ với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 25.136.750 đồng. Bị cáo H có nhân thân xấu, đã 02 lần bị Tòa án đưa ra xét xử cùng về tội Trộm cắp tài sản từ lúc chưa đủ 18 tuổi, 01 lần bị xử phạt hành chính cũng về hành vi trộm cắp nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Trong thời gian bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo cũng phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên chịu mức hình phạt tương xứng.

[6] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Đối với bị cáo TRẦN T: Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 1156/KLGD ngày 24/12/2021 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Miền trung kết luận TRẦN T: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; bị cáo đã tự thú những lần phạm tội trước đó, nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo VÕ Đ: Chưa có tiền án, tiền sự, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Võ A - Giám đốc Công ty TNHH N. Ngoài ra, khi phạm tội bị cáo là sinh viên, do bị cáo Trữ rê, tham gia giúp sức với vai trò không đáng kể, chỉ ngồi theo sau xe của bị cáo T; bị cáo có ông nội là Võ X đã có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến. Do bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo được học tập, cải tạo trở thành công dân tốt. Tuy nhiên, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Đ có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt dưới mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[7] Xét luận cứ bào chữa của các Luật sư:

Đối với Luật sư Trần Đ đề nghị xử phạt bị cáo TRẦN T mức hình phạt tù thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không chấp nhận do đề nghị này là chưa phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Về các đề nghị khác của Luật sư là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Luật sư Nguyễn T đề nghị cho bị cáo VÕ Đ được hưởng án treo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Về các đề nghị khác của Luật sư là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Công ty TNHH V và Công ty Cổ phần C không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Công ty TNHH N đã nhận lại tài sản, tuy nhiên ông Võ A – Giám đốc công ty có yêu cầu bồi thường thêm về chi phí thuê xe chở các cuộn cáp về lại công ty, thiệt hại về thời gian ngày công làm việc, chi phí đi lại,...nên yêu cầu bị cáo VÕ Đ bồi thường 2.000.000 đồng. Vào ngày 26/6/2023, gia đình bị cáo Đ đã bồi thường xong 2.000.000 đồng cho Công ty TNHH N, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo DƯƠNG H phải bồi thường số tiền 10.130.000 đồng. Xét thấy yêu cầu này của anh Q là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo DƯƠNG H phải bồi thường lại số tiền đã chiếm đoạt cho anh Q là 10.130.000 đồng.

[9] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo TRẦN T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 110.080.000 đồng vào ngân sách nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

- Đối với xe mô tô Yamaha Exciter 150, màu cam đen, BKS: 92E1-XXX, là tài sản của TRẦN T (Tmua của cửa hàng xe máy Z tổ A , phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng). Xét thấy bị cáo không sử dụng xe này vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo T nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe mô tô Honda Winner X, màu xanh bạc đen, số khung 3702KYzzz, số máy: KC34Evvv, BKS: 73E1-XXX và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: ZZZ, mang tên VÕ Đ, là tài sản của bị cáo Đ. Xét thấy xe này bị cáo Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội cùng bị cáo T, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu xám; 01 điện thoại Samsung màu bạc, gắn sim 0905.534.796 của bị cáo TRẦN T; 01 điện thoại di động Samsung màu xanh, bị vỡ mặt kính; 01 điện thoại Samsung màu bạc gắn sim 0905534796 của DƯƠNG H, là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với xe mô tô Yamaha Exciter 150, màu đỏ trắng, BKS: 92T1-ZZZ, do anh Dương S (là anh trai của DƯƠNG H) đứng tên chủ sở hữu, anh S không biết Hà sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh S là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc ví da màu đen có dòng chữ TISDGNY của anh Nguyễn Văn Q, bên trong có: giấy phép lái xe hạng B2 mang tên Nguyễn Văn Q ; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Văn Q ; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Q ; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Q ; 01 giấy đăng ký xe mô tô, giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn N; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 0405002881; 01 thẻ nhựa màu trắng và 04 tờ vé số kiến thiết (*bị rách và rách*), Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Q là phù hợp, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với 01 chiếc áo khoác dài tay màu đen, có mũ phía sau, trước áo có in chữ Adidas màu trắng; 01 cây sắt hình trụ tròn dài 70 cm; 02 ổ khóa Việt Tiệp màu đen, 01 ổ khóa màu trắng đã bị gãy móc khóa. Xét thấy hiện nay không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

[11] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

- Đối với ông Đinh T là người trực tiếp lái xe tải nhãn hiệu Huyndai, BKS: 43C-XXX; ông Trương L và Trần C điều khiển xe tải nhãn hiệu Huyndai, mang BKS: 43C-XXX chở hàng thuê cho TRẦN T. Quá trình điều tra xác định, ông T , L , C được T thuê để chở hàng và lấy tiền vận chuyển, không biết tài sản do T trộm cắp

mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

- Đối với Nguyễn Q và Phạm T được ông Đinh T nhờ vận chuyển dây cáp và nhận tiền công; Cao M, Lê T, T, Lê B được T thuê để vận chuyển cáp, cũng không biết đây là tài sản do T trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Đối với bà Nguyễn H, Phạm M, Lê S làm nghề thu mua phế liệu không biết tài sản T đem bán là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với Lê D, là người đi gói hàng giúp T, đồng thời cho T mượn xe mô tô hiệu Sirius mang BKS: 47M7-ZZZ nhưng chị D không biết T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[12] Về án phí: Các bị cáo TRẦN T, VÕ Đ, DUƠNG H phải chịu án phí hình sự sơ T theo quy định của pháp luật.

Bị cáo DUƠNG H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo TRẦN T, VÕ Đ và DUƠNG H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 173; điểm b, g khoản 1 Điều 52; điểm q, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **TRẦN T 12 (mười hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 17/8/2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: **DUƠNG H 02 (hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 18/11/2022.

3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **VÕ Đ 01 (một)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 06/6/2023.

II. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ vào Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo DUƠNG H phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 10.130.000 đồng (mười triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo DUƠNG H không thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

III. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo TRẦN T nộp lại số tiền thu lợi bất chính 110.080.000 đồng (Một trăm mười triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước.

IV. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) xe mô tô Honda Winner X, màu xanh bạc đen, BKS: 73E1-XXX và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 024984 mang tên VÕ Đ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6s plus màu xám;

- 01 (một) điện thoại Samsung màu bạc, gắn sim ký hiệu 8401-1710-5044-1494 (0905.534.796);

- 01 (một) điện thoại di động Samsung màu xanh, bị vỡ mặt kính;

2. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc áo khoác dài tay màu đen, có mũ phía sau, trước áo có in chữ Adidas màu trắng;

- 01 (một) cây sắt hình trụ tròn dài 70 cm;

- 02 (hai) ổ khóa Việt Tiệp màu đen; 01 (một) ổ khóa màu trắng đã bị gãy móc khóa.

3. Trả lại cho TRẦN T 01 xe mô tô Yamaha Exciter 150, màu cam đen, BKS: 92E1-XXX nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện Cục Thi hành án thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/3/2023.

V. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo TRẦN T, VÕ Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo DUƠNG H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ T và 506.500 đồng (năm trăm lẻ sáu nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

VI. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo TRẦN T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng người bào chữa cho bị cáo TRẦN T, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Tphán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Năng